

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về nâng cao chất lượng dân số tỉnh Lào Cai
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

I. TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, công tác nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã được cấp ủy đảng các cấp quan tâm lãnh đạo, triển khai và đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Chỉ số phát triển con người (HDI) từng bước được cải thiện; mạng lưới chăm sóc sức khỏe và tổ chức bộ máy làm công tác dân số tiếp tục được kiện toàn và phát triển; tuổi thọ trung bình tăng qua các năm. Công tác truyền thông chuyển đổi hành vi được tăng cường; chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản ngày càng cao; từng bước thực hiện tầm soát bệnh, tật bẩm sinh. Công tác chăm sóc dinh dưỡng được triển khai thực hiện hiệu quả; việc chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật được quan tâm thực hiện. Tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, mất cân bằng giới tính khi sinh ngày càng giảm.

Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu quan trọng về chăm sóc, nâng cao sức khỏe còn đạt thấp so với toàn quốc. Tuổi thọ bình quân tăng chậm, số năm trung bình sống khỏe mạnh còn thấp; tầm vóc, thể lực và sức bền của người dân chậm được cải thiện. Tỷ lệ mắc các bệnh như tiểu đường, tim mạch, huyết áp, đặc biệt tỷ lệ người mắc bệnh ung thư ngày càng tăng và có xu hướng trẻ hóa. Ý thức về chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhất là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế; tỷ lệ tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 05 tuổi vẫn còn cao so với toàn quốc và có sự chênh lệch giữa các vùng. Tỷ lệ phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh được tiếp cận sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh còn thấp; tình trạng tảo hôn, sinh con sớm còn tồn tại ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phong trào rèn luyện nâng cao thể chất người dân trong cộng đồng còn chưa rộng khắp. Thu nhập bình quân đầu người vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp so với mặt bằng chung toàn tỉnh.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế là do một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về tính chiến lược, tầm quan trọng và ý nghĩa của

công tác nâng cao chất lượng dân số, chỉ đạo chưa quyết liệt, chưa hiệu quả; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện công tác dân số chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ. Tổ chức bộ máy làm công tác dân số có những biến động, thay đổi, hạn chế hiệu quả hoạt động. Đội ngũ công tác viên dân số chế độ đãi ngộ còn thấp, hoạt động chưa hiệu quả. Nguồn lực đầu tư cho y tế mới đáp ứng được nhu cầu cơ bản. Công tác xã hội hóa, huy động kinh phí cho giáo dục ở vùng cao còn hạn chế. Nhận thức của một bộ phận đồng bào dân tộc vùng cao về công tác dân số còn chưa thực sự đầy đủ.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Nâng cao chất lượng dân số là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của cấp ủy các cấp, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chất lượng dân số là yếu tố đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Quán triệt sâu sắc và triển khai đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; tập trung chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; công tác dân số phải toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số; đồng thời phải quan tâm tất cả các mặt về thể lực, trí lực, thu nhập; chú trọng nâng cao chất lượng dân số vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương cho công tác dân số, nâng cao chất lượng dân số; lồng ghép các nhiệm vụ nâng cao chất lượng dân số vào các hoạt động chương trình mục tiêu trên địa bàn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường chuyển đổi số trong công tác dân số; tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội và sự đóng góp của người dân, cộng đồng để thực hiện nâng cao chất lượng dân số.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng dân số tỉnh Lào Cai bảo đảm quy mô, cơ cấu, phân bố dân cư phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; quản lý, chăm sóc sức khỏe người dân; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tỷ lệ tử vong do bệnh tật. Quan tâm công tác giáo dục nâng cao

nhận thức người dân, phần đầu nâng chỉ số phát triển con người (HDI) của Lào Cai bằng mức trung bình toàn quốc vào năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025, 2030

a) Về quy mô dân số

(1) Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên $\leq 1,2\%$, tổng tỷ suất sinh (TFR, số con trung bình/bà mẹ) dưới 2,3 con/bà mẹ vào năm 2025 và dưới 2,1 con/bà mẹ vào năm 2030;

(2) Tỷ số giới tính khi sinh (số trẻ trai/100 trẻ gái) dưới 112 vào năm 2025 và dưới 109 vào năm 2030;

b) Về chất lượng dân số

(1) Đến năm 2025 không còn hôn nhân cận huyết thống; đến năm 2030 cơ bản không còn tình trạng tảo hôn trên địa bàn tỉnh;

(2) Tỷ lệ khám, tư vấn sức khỏe trước kết hôn cho thanh niên, vị thành niên (từ 15 tuổi trở lên) đạt 30% vào năm 2025, đạt 90% vào năm 2030;

(3) Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 04 bệnh, tật bẩm sinh phổ biến đạt trên 60% vào năm 2025; đạt trên 70% vào năm 2030;

(4) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 05 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến đạt trên 60% vào năm 2025; đạt trên 90% vào năm 2030;

(5) Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 26% vào năm 2025 và dưới 23% vào năm 2030; Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 13% vào năm 2025 và dưới 10% vào năm 2030; số trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98% vào năm 2025 và trên 99% vào năm 2030;

(6) Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi dưới 12,5‰ vào năm 2025 và dưới 10‰ vào năm 2030; tử vong trẻ em dưới 05 tuổi dưới 18,5‰ vào năm 2025 và dưới 15‰ vào năm 2030;

c) Về chỉ số phát triển con người

(1) Tuổi thọ trung bình đạt 74 tuổi, thời gian sống khỏe mạnh đạt 66 năm vào năm 2025; đạt 75 tuổi, thời gian sống khỏe mạnh đạt 68 năm vào năm 2030.

(2) Chiều cao trung bình của người trưởng thành (trên 18 tuổi) đối với nam đạt 167,0 cm, đối với nữ đạt 157,0 cm vào năm 2025 và đối với nam đạt 168,5cm, đối với nữ đạt 157,5 cm vào năm 2030;

(3) Phân đầu duy trì thu nhập bình quân đầu người của tỉnh trong top 15 tỉnh đứng đầu cả nước; nâng mức thu nhập vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tương đương mức thu nhập trung bình của toàn quốc vào năm 2030.

2.3. Định hướng đến năm 2050

Nâng cao chất lượng dân số toàn diện cả về trí lực, thể lực, bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương, xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của vùng và cả nước.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy các cấp, đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp; xác định nâng cao chất lượng dân số là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, lâu dài góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong giai đoạn tới.

Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xác định công tác nâng cao chất lượng dân số không chỉ là nhiệm vụ của ngành Y tế mà còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác dân số. Tăng cường phối hợp giám sát việc thực hiện các chính sách dân số; đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao chất lượng dân số

Đổi mới các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi và ủng hộ tích cực của toàn xã hội về nâng cao chất lượng dân số; hình thành kiến thức, kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ; chú trọng tuyên truyền, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số; gắn nâng cao

chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số; phân bổ dân số hợp lý giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Tăng cường cung cấp thông tin về dân số và phát triển. Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân số; mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số; ngăn ngừa, giảm thiểu tiến tới chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, mang thai tuổi vị thành niên ở đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn; tầm soát trước sinh và sau sinh; dinh dưỡng hợp lý, phòng chống tác hại chất gây nghiện, sức khỏe người cao tuổi...

Phát huy tối đa và linh hoạt các loại hình tuyên truyền; đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng số, hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông mới, bằng nhiều thứ tiếng; nội dung tuyên truyền cần trọng tâm, sát thực tiễn, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thực hiện đồng thời phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng. Ưu tiên các giải pháp tiếp cận người dân ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh.

Vận động và phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền về nâng cao chất lượng dân số. Tổ chức các chiến dịch truyền thông, các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác truyền thông và thông tin cơ sở về công tác nâng cao chất lượng dân số.

3. Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe ban đầu

Tạo điều kiện phát triển các cơ sở tư vấn và dịch vụ về nâng cao chất lượng dân số, khám sức khỏe trước hôn nhân, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, tầm soát trước và sau sinh, các cơ sở thể dục, thể thao...

Đầu tư và nâng cấp các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế; ưu tiên đầu tư hoàn thiện, đồng bộ hệ thống y tế cơ sở về nhân lực, trụ sở, trang thiết bị, máy móc để bảo đảm đủ điều kiện cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao chất lượng dân số cho người dân.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân: Giáo dục sức khỏe; kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh; tiêm chủng phòng bệnh; bảo đảm thuốc thiết yếu, lương thực, thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ và trẻ em.

Triển khai, nhân rộng các mô hình, đề án về nâng cao chất lượng dân số như: Sàng lọc trước sinh và sơ sinh; tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; đẩy mạnh xã hội hóa, tiếp thị xã hội, cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm hàng hóa hỗ trợ sức khỏe sinh sản; phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống...

Phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; đầu tư, xây dựng các cơ sở phục hồi chức năng, trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong và ngoài công lập; xây dựng và duy trì các loại hình câu lạc bộ người cao tuổi.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong chỉ đạo, quản lý công tác nâng cao chất lượng dân số. Tích cực chuyển đổi số, tăng cường công tác thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra, nghiên cứu chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh. Tích cực học tập kinh nghiệm về công tác nâng cao chất lượng dân số từ các tỉnh trong nước và quốc tế, vận dụng hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương.

4. Nâng cao thể lực, tầm vóc, sức khỏe thể chất, tinh thần người dân

Đẩy mạnh các hoạt động về phòng, chống suy dinh dưỡng; duy trì, triển khai hiệu quả, nhân rộng các mô hình phòng, chống suy dinh dưỡng tại cộng đồng, dinh dưỡng học đường.

Triển khai hiệu quả chương trình rèn luyện thể chất, thể dục, thể thao. Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, tâm lý trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với luyện tập ngoài nhà trường. Vận động toàn dân tham gia các phong trào rèn luyện thân thể; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao.

Tăng cường kiểm soát về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; khuyến nghị, phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Đẩy mạnh tuyên truyền gắn với thực hiện các giải pháp nhằm giảm tiêu thụ rượu, bia, thuốc lá và các sản phẩm có hại cho sức khỏe.

5. Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách, cơ chế; bảo đảm nguồn lực nâng cao chất lượng dân số

Huy động, sử dụng đa dạng các nguồn lực giành cho công tác dân số, nâng cao chất lượng dân số: Ưu tiên bố trí từ nguồn ngân sách các cấp, sử dụng hợp lý nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn lực từ các dự án trong và ngoài nước, nguồn lực từ xã hội hoá và các nguồn lực hợp pháp khác.

Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ dân số, nâng cao chất lượng dân số, người dân chi trả cho các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số.

Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ công tác dân số và phát triển đặc thù tại địa phương: Chính sách dinh dưỡng; chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế, các chính sách công tác giáo dục - đào tạo, hỗ trợ việc làm; chính sách an sinh xã hội vùng đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số, gia đình chính sách... Hoàn thiện cơ chế giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số; Tăng cường hợp tác, đối ngoại trong nâng cao chất lượng dân số

Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm 100% xã, phường, thị trấn có viên chức dân số được đào tạo đúng vị trí việc làm, 100% thôn, bản, tổ dân phố có cộng tác viên dân số thường xuyên được đào tạo tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về dân số; đổi mới phương thức truyền thông vận động, cung cấp dịch vụ đáp ứng nhiệm vụ mới trong công tác dân số.

Nâng cao năng lực của mạng lưới làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp hóa, trẻ hóa; chú trọng thu hút nhân tài, đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ có năng lực trong công tác đối ngoại, có năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế công tác dân số một cách toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả; tiếp thu các thành tựu trong công tác nâng cao chất lượng dân số từ các địa phương trong cả nước và quốc tế; thu hút các nguồn vốn nước ngoài và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần thực hiện thành công các mục tiêu nâng cao chất lượng dân số tỉnh Lào Cai.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng bộ trực thuộc, cấp ủy các cấp tổ chức quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết; xác định nâng cao chất lượng dân số là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo việc rà soát, xây dựng, bổ sung các cơ chế, chính sách để đáp ứng yêu cầu nâng

cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh; tăng cường giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; đưa mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao chất lượng dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các cơ chế, chính sách, đề án, dự án, đồng thời bố trí ngân sách và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện. Định kỳ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì tham mưu, chỉ đạo hướng dẫn việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí thường xuyên tuyên truyền, truyền thông việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, tổ chức xã hội nghề nghiệp quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện trong hệ thống, đơn vị mình và phối hợp trong đề xuất các chính sách và giám sát thực hiện Nghị quyết.

6. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện, triển khai Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến tới chi bộ, đảng viên và Nhân dân./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư,
- Các Ban đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Cán sự Đảng Chính phủ,
- Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng bộ trực thuộc,
- Ủy ban MTTQ, các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thư ký Bí thư Tỉnh ủy,
- Chuyên viên Tổng hợp, VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Đặng Xuân Phong